

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI**

**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

NGÀNH KẾ TOÁN

TRÌNH ĐỘ: THẠC SĨ

MÃ NGÀNH: 8340301

Hà Nội, 2020

MỤC LỤC

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	3
1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo.....	3
1.2. Thông tin chung	3
1.3. Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi	3
1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program goals).....	4
1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)	5
1.8 Chiến lược giảng dạy và học tập.....	13
1.9 Các phương pháp đánh giá	13
1.10 Mô tả sự liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs), học phần, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs).....	23
II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY.....	33
2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy	33
2.2. Các khối kiến thức chương trình giảng dạy	33
2.3. Danh sách học phần	35
2.4. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	37
2.5. Ma trận Chiến lược phương pháp dạy và học của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra	40
2.6. Ma trận phương pháp đánh giá của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra	43
2.7. Tiến trình giảng dạy.....	45
2.8. Đối sánh CTĐT với Trường Đại học trong và ngoài nước đã tham khảo	51
III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	57

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Kế toán trình độ thạc sĩ trường Đại học Lao động – Xã hội, mã ngành 8340301 đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kế toán được xây dựng theo định hướng ứng dụng, chương trình đào tạo giúp cho người học nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng thiết kế sản phẩm, ứng dụng kết quả nghiên cứu, phát hiện và tổ chức thực hiện các công việc phức tạp trong hoạt động chuyên môn nghề nghiệp, phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức ngành vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế; có thể học bổ sung một số kiến thức cơ sở ngành và phương pháp nghiên cứu theo yêu cầu của ngành đào tạo trình độ tiến sĩ để tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

1.2. Thông tin chung

Bảng 1.1. Thông tin chung về chương trình đào tạo ngành Kế toán

Tên chương trình đào tạo	Kế toán (Accounting)
Mã ngành đào tạo	8340301
Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
Thời gian đào tạo	2 năm
Tên gọi văn bằng	Thạc sĩ kế toán
Trường cấp bằng	Trường Đại học Lao động - Xã hội
Khoa quản lý	Kế toán
Số tín chỉ yêu cầu	60 tín chỉ
Website	www.uls.edu.vn
Fanpage	
Ban hành	Quyết định số 2261A/QĐ-ĐHLĐXH ngày 17 tháng 8 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội

1.3. Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi

Bảng 1.2. Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Trường Đại học Lao động - Xã hội và Khoa Kế toán

	Trường Đại học Lao động - Xã hội	Khoa Kế toán
Sứ mạng	Trường Đại học Lao động - Xã hội là cơ sở giáo dục đại học công lập duy	Khoa Kế toán có sứ mạng đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực

	Trường Đại học Lao động - Xã hội	Khoa Kế toán
	nhất của ngành Lao Động Thương binh và Xã hội trong đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao theo định hướng ứng dụng với thế mạnh là các ngành Quản trị nhân lực, Công tác xã hội, Bảo hiểm, Kế toán và Quản trị kinh doanh; là trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực kinh tế - lao động - xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển của Ngành, đất nước và hội nhập quốc tế.	chất lượng cao, các sản phẩm đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao tri thức trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tài chính ngân hàng; đóng góp hữu hiệu vào sự phát triển và hội nhập sâu rộng của ngành LĐTĐXH và đất nước.
Tầm nhìn	Đến năm 2030, Trường Đại học Lao động – Xã hội trở thành trường Đại học hàng đầu Việt Nam trong đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao thuộc lĩnh vực lao động - xã hội có kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo, năng động, sáng tạo trong công việc, đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực; trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế có uy tín trong khu vực ASEAN	Khoa Kế toán là một trong những khoa hàng đầu của Trường ĐH Lao động – Xã hội cung cấp hoạt động đào tạo, nghiên cứu, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tài chính ngân hàng. Đến năm 2030, Khoa Kế toán phấn đấu nằm trong danh sách 10 cơ sở đào tạo ngành kế toán, kiểm toán và tài chính ngân hàng uy tín và tốt nhất Việt Nam.
Giá trị cốt lõi	<ul style="list-style-type: none"> • Chuyên nghiệp. • Sáng tạo • Hội nhập 	<p>Chuyên nghiệp: nghiên cứu, giảng dạy và học tập chuyên nghiệp.</p> <p>Sáng tạo: phong cách học tập và làm việc năng động, thích ứng nhanh</p> <p>Hội nhập: Hội nhập là đối sánh và tiếp thu những thành tựu khoa học – công nghệ mới</p>

1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program goals)

1.4.1. Mục tiêu tổng quát

Chương trình đào tạo Thạc sĩ Kế toán theo định hướng ứng dụng được xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội về nguồn nhân lực có trình độ cao trong lĩnh vực kế toán, có năng lực chuyên môn sâu, có khả năng tổ chức điều hành công tác chuyên môn trong lĩnh vực kế toán cũng như có khả năng thích ứng với môi trường kinh tế xã hội toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế. Chương trình đào tạo cung cấp các kiến thức cốt lõi về cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu; các kiến thức quản trị tài chính, quản trị nhân lực và quản trị học hiện đại và quốc tế; nắm vững, am hiểu kiến thức thực tế và nghiên cứu chuyên sâu về kế toán; có khả năng tổ chức và thực hiện các hoạt động của hệ thống kế toán trong các loại hình tổ chức khác nhau. Sau khi tốt nghiệp thạc sĩ kế toán, học viên có thể tiếp tục học tập và nghiên cứu trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

1.4.2. Mục tiêu cụ thể:

PO1: Đào tạo cho học viên có các kiến thức cốt lõi về cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu; có các kiến thức lý thuyết quản trị tài chính, quản trị nhân lực và quản trị học hiện đại và quốc tế.

PO2: Đào tạo cho học viên kiến thức chuyên sâu về kế toán, bao gồm kiến thức lý thuyết và kiến thức thực tiễn để học viên có thể giải quyết những vấn đề trong thực tiễn tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế;

PO3: Đào tạo học viên có kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin và giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động kế toán; có kỹ năng sử dụng các công nghệ phù hợp ứng dụng trong hoạt động kế toán, kiểm toán; có kỹ năng hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ và kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.

PO4: Đào tạo học viên có phẩm chất chính trị, sức khỏe tốt, đạo đức nghề nghiệp; có tác phong, thái độ làm việc chuyên nghiệp, bản lĩnh nghề nghiệp cao; khả năng tự định hướng, thích nghi phù hợp với môi trường nghề nghiệp thay đổi; tự nghiên cứu phát triển tri thức.

1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

Kiến thức:

PLO1: Người học vận dụng kiến thức chung về triết học, ngoại ngữ và phương pháp nghiên cứu khoa học để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn công việc và cuộc sống.

PLO2: Người học vận dụng những kiến thức chuyên sâu và cập nhật về khoa học kinh tế nói chung để phân tích các các hoạt động kinh doanh của các tổ chức liên quan đến lĩnh vực kinh doanh và quản lý.

PLO3: Người học vận dụng và phát triển hệ thống các kiến thức thực tế và chuyên sâu, hiện đại, quốc tế về kế toán – kiểm toán để phát hiện, phân tích, đánh giá và đề xuất phương án giải quyết các vấn đề thực tiễn kế toán, kiểm toán trong đơn vị.

Kỹ năng:

PLO4: Người học vận dụng kỹ năng tự học, tổng hợp, phân tích, đánh giá để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề liên quan đến lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

PLO5: Người học có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, thảo luận các vấn đề chuyên môn với người cùng ngành kế toán, kiểm toán và phân tích một cách khoa học những vấn đề liên quan đến chuyên môn; kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp ứng dụng trong hoạt động kế toán, kiểm toán.

PLO6: Người học có kỹ năng truyền đạt tri thức trong lĩnh vực kế toán – kiểm toán, hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ; kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động nghề nghiệp.

PLO7: Người học có kỹ năng tổ chức bộ máy kế toán và tổ chức công tác kế toán trong các loại hình doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, chính trị - xã hội khác nhau.

PLO8: Người học vận dụng thành thạo kỹ năng ngoại ngữ để có thể giao tiếp và trình bày báo cáo tài chính.

Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm:

PLO9: Người học có thức cao về đạo đức nghề nghiệp; tuân thủ chính sách và pháp luật của Nhà nước; quy chế làm việc của tổ chức; luôn công tâm, khách quan, tôn trọng chữ tín và tinh thần trách nhiệm cao trong quá trình làm việc; có hành vi và ứng xử chuyên nghiệp, có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, luôn sẵn sàng thích nghi với sự thay đổi môi trường công việc.

PLO10: Người học có năng lực nghiên cứu độc lập, đưa ra những sáng kiến quan trọng, định hướng và hướng dẫn người khác về chuyên môn nghiệp vụ kế toán.

Trình độ ngoại ngữ:

PLO11: Người học tốt nghiệp đạt trình độ ngoại ngữ do Hiệu trưởng quy định theo đề nghị của Hội đồng khoa học đào tạo nhưng tối thiểu phải từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

Bảng 1.3. Mối liên hệ giữa mục tiêu chương trình và chuẩn đầu ra chương trình

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mục tiêu cụ thể (POs)			
	PO1	PO2	PO3	PO4
CDR1 (PLO1)	X		X	
CDR2 (PLO2)	X		X	

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mục tiêu cụ thể (POs)			
	PO1	PO2	PO3	PO4
CDR3 (PLO3)		X	X	X
CDR4 (PLO4)				
CDR5 (PLO5)	X	X	X	
CDR6 (PLO6)		X	X	
CDR7 (PLO7)		X	X	X
CDR8 (PLO8)		X	X	X
CDR9 (PLO9)	X	X	X	X
CDR10 (PLO10)				
CDR11 (PLO11)		X	X	X

Bảng 1.4. Đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT chuyên ngành Kế toán đáp ứng Khung trình độ quốc gia và Thang trình độ năng lực

Chuẩn đầu ra		Khung trình độ quốc gia	Thang trình độ năng lực
CDR1 (PLO1)	Người học vận dụng kiến thức chung về triết học, ngoại ngữ và phương pháp nghiên cứu khoa học để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn công việc và cuộc sống.	K2	4
CDR2 (PLO2)	Người học vận dụng những kiến thức chuyên sâu và cập nhật về khoa học kinh tế nói chung để phân tích các hoạt động kinh doanh của các tổ chức liên quan đến lĩnh vực kinh doanh và quản lý.	K2, K3	4
CDR3 (PLO3)	Người học vận dụng và phát triển hệ thống các kiến thức thực tế và chuyên sâu, hiện đại, quốc tế về kế toán – kiểm toán để phát hiện, phân tích, đánh giá và đề xuất phương án giải quyết các vấn đề thực tiễn kế toán, kiểm toán trong đơn vị.	K1, K2, K3	4

Chuẩn đầu ra		Khung trình độ quốc gia	Thang trình độ năng lực
CĐR4 (PLO4)	Người học vận dụng kỹ năng tự học, tổng hợp, phân tích, đánh giá để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề liên quan đến lĩnh vực kế toán, kiểm toán.	S1, S2	4
CĐR5 (PLO5)	Người học có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, thảo luận các vấn đề chuyên môn với người cùng ngành kế toán, kiểm toán và phân tích một cách khoa học những vấn đề liên quan đến chuyên môn; kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp ứng dụng trong hoạt động kế toán, kiểm toán.	S1, S4	4
CĐR6 (PLO6)	Người học có kỹ năng truyền đạt tri thức trong lĩnh vực kế toán – kiểm toán, hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ; kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động nghề nghiệp.	S2, S3	4
CĐR7 (PLO7)	Người học có kỹ năng tổ chức bộ máy kế toán và tổ chức công tác kế toán trong các loại hình doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, chính trị - xã hội khác nhau.	S1	5
CĐR8 (PLO8)	Người học vận dụng thành thạo kỹ năng ngoại ngữ để có thể giao tiếp và trình bày báo cáo tài chính.	S5	4
CĐR9 (PLO9)	Người học có thức cao về đạo đức nghề nghiệp; tuân thủ chính sách và pháp luật của Nhà nước; quy chế làm việc của tổ chức; luôn công tâm, khách quan, tôn trọng chữ tín và tinh thần trách nhiệm cao trong quá trình làm việc; có hành vi và ứng xử chuyên nghiệp, có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, luôn sẵn sàng thích nghi với sự thay đổi môi trường công việc.	C1, C2	4
CĐR10 (PLO10)	Người học có năng lực nghiên cứu độc lập, đưa ra những sáng kiến quan trọng, định	C1, C2, C3, C4	4

Chuẩn đầu ra		Khung trình độ quốc gia	Thang trình độ năng lực
	hướng và hướng dẫn người khác về chuyên môn nghiệp vụ kế toán.		
CDR11 (PLO11)	Người học tốt nghiệp đạt trình độ ngoại ngữ do Hiệu trưởng quy định theo đề nghị của Hội đồng khoa học đào tạo nhưng tối thiểu phải từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.	S5	4

Danh mục các chuẩn đối sánh:

(1) TĐNL - Trình độ năng lực chung:

Bảng 1.5. Thang trình độ năng lực chung

Thang TĐNL	Khả năng hoạt động	Khả năng nhận thức
1.0	Có biết/ trải qua	
2.0	Có thể tham gia vào và đóng góp cho các hoạt động	Khả năng Nhớ
3.0	Có thể hiểu và giải thích	Khả năng Hiểu
4.0	Có khả năng thực hành / triển khai	Khả năng Áp dụng / Phân tích
5.0	Có thể dẫn dắt sáng tạo trong giải quyết vấn đề	Khả năng Tổng hợp/ Đánh giá vấn đề

(2) Khung TĐQG - Khung trình độ quốc gia - bậc 7

Kiến thức (K):

K1. Kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo;

K2. Kiến thức liên ngành có liên quan;

K3. Kiến thức chung về quản trị và quản lý;

Kỹ năng (S):

S1. Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra các giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học;

S2. Kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác;

S3. Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến;

S4. Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp;

S5. Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam;

Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (C):

C1. Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng;

C2. Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác;

C3. Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn;

C4. Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

1.6 Cơ hội việc làm và học tập

1.6.1 Cơ hội việc làm

Người học tốt nghiệp CTĐT Thạc sĩ ngành Kế toán có thể đảm nhận các vị trí:

- Chuyên viên bậc cao về kế toán, kiểm soát, kiểm toán, tài chính tại các tổ chức kinh doanh, các doanh nghiệp trong và ngoài nước, ngân hàng và các tổ chức tín dụng, các đơn vị hành chính công.

- Chuyên gia phân tích, tư vấn ứng dụng ở trình độ cao trong lĩnh vực kế toán – kiểm toán tại các tổ chức kinh doanh, các doanh nghiệp trong và ngoài nước, ngân hàng và các tổ chức tín dụng, các đơn vị hành chính công nhằm cải tiến công tác kế toán, kiểm soát, kiểm toán, quản lý tài chính .

- Đảm nhận các vị trí cấp cao như quản lý bộ phận kế toán, kế toán tổng hợp, kế toán trưởng, giám đốc tài chính, trưởng nhóm, giám đốc kiểm toán;

- Tự khởi nghiệp thành lập các công ty cung cấp dịch vụ tài chính, thuế, kế toán, kiểm toán, tư vấn...

- Chuyên viên, cán bộ nghiên cứu, cán bộ giảng dạy về kế toán làm việc tại các cơ sở đào tạo, các viện nghiên cứu hoặc các tổ chức khác.

1.6.2. Cơ hội học tập

- Có cơ hội học tập để đạt các chứng chỉ nghề nghiệp trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán như CPA, ACCA, CET, CIMA, ACA, CFA....

- Có cơ hội học tập trình độ tiến sĩ và nghiên cứu chuyên sâu về kế toán, kiểm toán, tài chính ngân hàng tại các trường đại học, các viện nghiên cứu trong nước và quốc tế.

1.7 Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

1.7.1 Tiêu chí tuyển sinh

Thực hiện theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Lao động - Xã hội.

1.7.2 Quá trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Kế toán được thiết kế theo hệ thống tín chỉ, gồm 60 tín chỉ tích lũy. Quá trình đào tạo tuân thủ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ, Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ và các quy định hiện hành khác của Trường Đại học Lao động – Xã hội. Chương trình đào tạo được thiết kế với thời gian đào tạo là 2 năm.

1.7.3 Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ và Quyết định số 1854/QĐ-ĐHLĐXH ngày 10/10/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ, người học được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ chuyên ngành Kế toán khi có đủ các điều kiện sau:

a) Có đủ điều kiện bảo vệ luận văn

- Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, có điểm trung bình chung các học phần trong chương trình đào tạo đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc điểm C trở lên (theo thang điểm chữ);

- Đạt trình độ ngoại ngữ do Hiệu trưởng quy định theo đề nghị của hội đồng khoa học đào tạo nhưng tối thiểu phải từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương;

- Có đơn xin bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực, đồng thời phải có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn là luận văn đạt các yêu cầu theo quy định tại Khoản 2, Điều 26 Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường;

- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập;

- Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn.

b) Điểm luận văn đạt từ 5,5 trở lên;

c) Đã nộp luận văn được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết

luận của hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện cho Trường để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện và lưu trữ theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 33 Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

d) Đã công bố công khai toàn văn luận văn trên website của Trường theo quy định tại Khoản 9, Điều 34 Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Lao động - Xã hội. Thực hiện theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thực hiện theo Quyết định số 1854/QĐ-ĐHLDXH ngày 10/10/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ.

1.7.4 Hệ thống tính điểm

Điểm học phần

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình

D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu

+ Loại không đạt

F+ (2,0 – 3,9) F (dưới 2,0): Kém

Điểm trung bình

- Mức điểm chữ của mỗi học phần được quy đổi qua điểm số (thang điểm 4) như sau:

A+: 4,0 A : 3,7

B+: 3,5 B : 3,0

C+: 2,5 C : 2,0

D+: 1,5 D : 1,0

F+: 0,5 F : 0,0

- Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A: là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i : là điểm học phần thứ i

n_i : là số tín chỉ của học phần thứ i

n : là tổng số học phần

1.8 Chiến lược giảng dạy và học tập

Hoạt động giảng dạy và học tập được thiết kế cho chương trình đào tạo ngành Kế toán nhằm đảm bảo cho người học phát triển toàn diện về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ, chịu trách nhiệm. Chiến lược giảng dạy và học tập được áp dụng đa dạng nhằm giúp cho người học đạt được các chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo. Chiến lược giảng dạy và học tập gồm 08 nhóm lớn: dạy học trực tiếp, dạy học dựa vào hoạt động, dạy kỹ năng tư duy, dạy học tương tác, dạy học theo hướng nghiên cứu – giảng dạy, dạy học dựa vào công nghệ và tự học, và chiến lược mô hình lớp học đảo ngược.

1.8.1 Chiến lược dạy học trực tiếp

Chiến lược dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó các thông tin được truyền tải đến với người học theo cách trực tiếp, giảng viên trình bày và người học lắng nghe. Chiến lược này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới. Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được chương trình đào tạo ngành *Kế toán* áp dụng gồm: Giải thích cụ thể, Thuyết giảng, Tham luận và Câu hỏi gợi mở. Cụ thể như sau:

- **Giải thích cụ thể** (Explicit teaching): Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giảng viên hướng dẫn giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho người học đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.
- **Thuyết giảng** (Lecture): Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Người học chỉ nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt.
- **Tham luận** (Guest Lecture): Theo phương pháp này, người học tham gia vào các khóa học mà người diễn giảng, thuyết trình đến từ doanh nghiệp bên ngoài. Thông qua những trao đổi chia sẻ những kinh nghiệm, hiểu biết của diễn giảng để giúp người học hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về ngành đào tạo.

- **Câu hỏi gợi mở (Inquiry):** Trong tiến trình dạy học, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề và hướng dẫn giúp người học từng bước trả lời câu hỏi. Người học có thể tham gia vào thảo luận nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.

1.8.2 Chiến lược dạy học dựa vào hoạt động - Trải nghiệm

Chiến lược dạy học dựa vào hoạt động là chiến lược khuyến khích người học thực hiện, tạo cơ hội cho người học thực hành. Điều này thúc đẩy người học khám phá, lựa chọn, giải quyết vấn đề và tương tác với các đối tượng khác. Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được chương trình đào tạo ngành *Kế toán* áp dụng gồm: Trò chơi; thực tập, thực tế; Thảo luận. Cụ thể:

- **Trò chơi (Game):** Trò chơi là hoạt động đầy thử thách, mô phỏng, hoặc các cuộc thi được chơi theo một bộ quy tắc rõ ràng. Trò chơi cung cấp cho người học cơ hội nâng cao kiến thức thực tế, ra quyết định và kỹ năng giao tiếp, được thiết kế để đạt được những kỳ vọng được xác định rõ ràng như làm việc nhóm, phát triển kỹ năng hoặc cải thiện giao tiếp. Quy tắc trò chơi giúp người học nhận ra rằng quyết định của họ có ảnh hưởng như thế nào đến bản thân cũng như của những người khác cùng tham gia.
- **Thực tập, thực tế (Field Trip):** Thông qua các hoạt động tham quan, đi thực tế tại công ty, doanh nghiệp... để giúp cho người học tiếp cận và hiểu được môi trường thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các công nghệ đang được áp dụng trong lĩnh vực đào tạo, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong công ty. Phương pháp này không chỉ giúp cho người học hình thành kiến thức, kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho người học sau khi tốt nghiệp.
- **Thảo luận (Discussion):** Là phương pháp dạy học trong đó người học được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giảng viên đặt ra. Khác với các phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người với các quan điểm mục tiêu chung tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình

1.8.3 Chiến lược dạy kỹ năng tư duy

Chiến lược dạy kỹ năng tư duy phát triển tư duy phê phán, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng phân tích và thực hành phản xạ trong cách tiếp cận học tập của người học. Những chiến lược này cũng được thiết kế để thúc đẩy tư duy và học tập sáng tạo và độc lập cho người học. Các phương pháp chiến lược này gồm: Giải quyết vấn đề;

Học theo tình huống. Cụ thể:

- **Giải quyết vấn đề (Problem Solving):** Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với các vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua các quá trình giải pháp cho vấn đề đặt ra, người học đạt được những kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu của học phần.
- **Học theo tình huống (Case Study):** Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy và học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giảng viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu người học giải quyết, giúp cho người học hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như khả năng nghiên cứu.
- **Kỹ thuật “Động não” hay “Công não” (Brainstorming):** Là phương pháp nhằm huy động những tư tưởng mới mẻ, độc đáo về một chủ đề của các thành viên trong nhóm cùng thảo luận. Nhóm trưởng điều hành hoạt động thảo luận chung của cả nhóm trong một thời gian quy định, các ý kiến đều được thư ký ghi nhận, khuyến khích thành viên đưa càng nhiều ý kiến càng tốt. Các thành viên tham gia một cách tích cực nhằm tạo ra “con lốc” ý tưởng.
- **Sơ đồ tư duy (Mindmap):** Trong số các phương pháp dạy học tích cực, kỹ thuật mindmap còn được gọi là kỹ thuật sơ đồ tư duy được đánh giá rất cao. Vì với cách học bằng sơ đồ, người học sẽ dùng đến hình ảnh, sơ đồ để mở rộng cũng như đào sâu các kiến thức, ý tưởng để ghi chép lại bài học theo sự logic từ đó phát triển tư duy của họ theo hướng tích cực.

1.8.4 Chiến lược dạy học tương tác

Chiến lược dạy học tương tác giúp cho người học trở nên năng động, có trách nhiệm và quan tâm đến người khác bằng cách thúc đẩy các tương tác nhóm tích cực và có tính hợp tác, hành vi lắng nghe, tôn trọng và trọng lượng của cả hai mặt của một lập luận hoặc của một vấn đề nào đó. Trọng tâm của việc học tương tác là dạy cho người học tương tác thành công với nhau và chuyển những kỹ năng đó thành những tương tác hiệu quả trong xã hội. Học nhóm là một phương pháp được áp dụng theo chiến lược này.

- **Học nhóm (Teamwork Learning):** Người học được tổ chức thành các nhóm

nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua các báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.

- **Chia sẻ nhóm đôi (Think, Pair, Share):** Đây là hoạt động làm việc theo nhóm đôi, qua đó phát triển năng lực tư duy của từng cá nhân trong giải quyết vấn đề. Giảng viên giới thiệu vấn đề, đặt câu hỏi mở và dành thời gian để người học suy nghĩ. Người học thành lập nhóm đôi và chia sẻ ý tưởng, thảo luận, phân loại với nhau. Nhóm đôi này lại tiếp tục chia sẻ với nhóm đôi khác hoặc với cả lớp.

1.8.5 Chiến lược dạy học theo hướng nghiên cứu - giảng dạy

Chiến lược dạy học theo hướng nghiên cứu khuyến khích mức độ tư duy phê phán cao. Người học xác định các câu hỏi nghiên cứu, tìm các phương pháp phù hợp để giải quyết các vấn đề hoặc báo cáo các kết luận dựa trên các bằng chứng thu thập được. Chương trình đào tạo ngành *Kế toán* sử dụng các phương pháp: Nghiên cứu độc lập; Dự án nghiên cứu; Nhóm nghiên cứu giảng dạy.

- **Nghiên cứu độc lập:** Phương pháp này phát triển khả năng của người học trong việc lập kế hoạch, tổ chức, khám phá và giao tiếp đối với chủ đề một cách độc lập dưới sự hướng dẫn của các giảng viên. Phương pháp này cũng tăng cường động lực học và tích cực tham gia học tập vì người học được phép chọn các tài liệu họ muốn trình bày. Tại Trường ĐH Lao động – Xã hội có nhiều sách, tài liệu tham khảo được cập nhật hỗ trợ hữu ích cho người học
- **Dự án nghiên cứu (Research Project):** Người học nghiên cứu một chủ đề nào đó liên quan đến môn học và viết báo cáo.
- **Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team):** Người học được khuyến khích tham gia vào các dự án, nhóm nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên, giúp hình thành năng lực nghiên cứu và kỹ năng sáng tạo. Từ đó, tạo tiền đề cho người học tiếp tục học tập cao hơn ở bậc sau đại học.

1.8.6 Chiến lược dạy học dựa vào công nghệ

Phương pháp kết hợp nhằm kết hợp phương pháp lên lớp truyền thống với học trực tuyến (E-learning; Zoom...). Thông qua hệ thống phần mềm quản trị đào tạo, giảng viên có thể tương tác và quản lý quá trình học tập của người học. Đây là chiến lược quan trọng nhằm chuyển đổi kỹ thuật số trong quá trình đào tạo ngành *Kế toán* trong bối cảnh của CMCN 4.0.

1.8.7 Chiến lược tự học

Chiến lược tự học giúp cho người học tiếp thu kiến thức và hình thành các kỹ năng để có thể tự định hướng, chủ động trong việc học. Người học có cơ hội lựa chọn chủ đề học, khám phá và nghiên cứu sâu về một vấn đề. Từ đó, người học hình thành các kỹ năng quản lý thời gian và tự giám sát việc học. Phương pháp học theo chiến lược này được chương trình đào tạo ngành *Kế toán* áp dụng chủ yếu là Bài tập ở nhà.

- **Bài tập ở nhà (Work Assignment):** Theo phương pháp này, người học được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra. Thông qua hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, người học được tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

1.8.8 Chiến lược mô hình lớp học đảo ngược

Lớp học đảo ngược (Flipped Classroom): Đây là mô hình học tập ngược lại với mô hình học tập truyền thống. Trong mô hình này, học viên sẽ học bài trước khi lên lớp thông qua các video quay sẵn, tài liệu hỗ trợ. Đôi khi là các cuộc thảo luận trực tuyến và chuẩn bị câu hỏi, chủ đề thảo luận. Sau đó, khi lên lớp, học sinh đặt các câu hỏi để giáo viên giải đáp; cùng làm bài tập và thảo luận nhóm... để hiểu sâu và mở rộng kiến thức.

Các phương pháp dạy học nói trên giúp cho người học đạt được chuẩn đầu ra (PLOs), được thể hiện trong bảng 1.6 dưới đây.

Bảng 1.6. Mối liên hệ giữa Chiến lược và phương pháp dạy-học (TLMs) để đạt được Chuẩn đầu ra (PLOs)

Chiến lược và phương pháp dạy và học (TLMs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Dạy học trực tiếp											
TLM1	Giải thích cụ thể (Explicit Teaching)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
TLM2	Thuyết giảng (Lecture)	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
TLM3	Tham luận (Guest Lecture)	x	x	x	x		x		x	x	x	
TLM4	Câu hỏi gợi mở (Inquiry)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
II	Dạy học dựa vào hoạt động - Trải nghiệm											
TLM5	Trò chơi (Game)	x	x		x							
TLM6	Thực tập. thực tế		x	x		x	x	x	x	x		

Chiến lược và phương pháp dạy và học (TLMs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	(Field Trip)											
TLM7	Thảo luận (Discussion)	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x
III	Dạy kỹ năng tư duy											
TLM8	Giải quyết vấn đề (Problem Solving)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
TLM9	Học theo tình huống (Case Study)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
TLM17	Kỹ thuật “Động não” hay “Công não” (Brainstorming)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
TLM19	Sơ đồ tư duy (Mindmap)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
IV	Dạy học tương tác											
TLM10	Học nhóm (Teamwork Learning)	x	x	x		x	x	x	x	x	x	
TLM16	Chia sẻ nhóm đôi (Think, Pair, Share)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
V	Dạy học theo hướng nghiên cứu – giảng dạy											
TLM11	Nghiên cứu độc lập		x	x	x	x	x	x			x	
TLM12	Dự án nghiên cứu (Research Project)		x	x	x	x	x					
TLM13	Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team)					x	x					
VI	Dạy học dựa vào công nghệ											
TLM14	Học trực tuyến (E-Learning)	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
VII	Tự học											
TLM15	Bài tập ở nhà (Work Assignment)	x	x	x	x	x	x	x			x	x
VIII	Mô hình lớp học đảo ngược (Flipped Classroom)											
TLM17	Kỹ thuật “Động não” hay “Công não” (Brainstorming)	x	x	x	x	x	x	x	x		x	

1.9 Các phương pháp đánh giá

Đánh giá kết quả của người học là quá trình ghi chép, lưu trữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình dạy học. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, công bằng, khách quan và phân hóa, thường xuyên lên

tục định kỳ. Yêu cầu về tiêu chí đánh giá cụ thể được Nhà trường, Khoa thiết kế và công bố, làm rõ cho người học trước khi tham dự học.

Các thông tin về đánh giá được cung cấp và chia sẻ kịp thời cho các bên liên quan gồm người dạy, người học và nhà quản lý; được tổng hợp, phân tích định kỳ. Từ đó, Nhà trường, Khoa, Bộ môn, giảng viên kịp thời có những giải pháp, điều chỉnh, cải tiến về các hoạt động dạy học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu dạy học.

Khoa đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Tùy thuộc vào chiến lược, phương pháp dạy và học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng học phần môn học để lựa chọn các phương pháp, nội dung đánh giá phù hợp, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của người học cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiên trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo ngành được chia thành 02 loại chính là đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment) và đánh giá tổng kết/định kỳ (cuối kỳ, giữa kỳ) (Summative Assessment). Các hình thức, nội dung đánh giá được quy định cụ thể trong các quy chế đào tạo tiên hành của nhà trường và quy định cụ thể trong đề cương giảng dạy của từng học phần.

1.9.1. Đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment)

Mục đích của đánh giá tiến trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiên bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá cụ thể với loại đánh giá tiến trình được ULSA, Khoa áp dụng gồm: đánh giá chuyên cần (attendance check), đánh giá bài tập (work assignment), làm việc nhóm (teamwork), thuyết trình (oral presentation).

- **Đánh giá chuyên cần (Attendance Check):**

Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên, đầy đủ các buổi học trên giảng đường, phòng thực hành, các buổi tham quan doanh nghiệp,... trong học phần cũng phản ánh thái độ học tập của người học; sự tham gia đầy đủ các giờ học theo quy định giúp cho người học tập cận kiên thức, rèn luyện kỹ năng một cách hệ thống, liên tục và hình thành thái độ tốt và đúng đắn, chấp hành tốt nội quy, nề nếp tại cơ quan, doanh nghiệp sau khi người học tốt nghiệp. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo các rubric tùy thuộc vào tính chất học phần quy định (lý thuyết, thực hành, đo án, thực tập,...).

- **Đánh giá bài tập (Work Assignment):**

Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc ngoài giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể thực hiện bởi một cá nhân hoặc một nhóm người học được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể.

- **Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation):**

Trong một số học phần môn học, người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm trước các nhóm khác. Hoạt động không những giúp người học đạt được kiến thức ngành mà còn phát triển các kỹ năng như: kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm. Để đánh giá mức độ đạt được các kỹ năng này của người học có thể sử dụng các tiêu chí đánh giá cụ thể như rubric 4.

1.9.2. Đánh giá tổng kết, định kỳ (cuối kỳ, giữa kỳ) (Summative Assessment)

Mục tiêu của lại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy- học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kỳ, đánh giá cuối học kỳ.

Các phương pháp đánh giá được ULSA, Khoa sử dụng loại đánh giá này gồm: kiểm tra viết (written exam), kiểm tra trắc nghiệm (multiple choice exam), bảo vệ và thi vấn đáp (oral exam), viết báo cáo (written report), thuyết trình (oral presentation), đánh giá làm việc nhóm (teamwork assessment), thực hành (practice), báo cáo thực tập, khóa luận/chuyên đề tốt nghiệp (graduation report/Thesis).

- **Kiểm tra viết (Written Exam):**

Theo phương pháp đánh giá này, người học được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp này là thang điểm 10. số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.

- **Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple Choice Exam):**

Phương pháp này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, người học được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án đã được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này người học trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng như được thiết kế trong đề thi.

- **Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam):**

Trong phương pháp đánh giá này, người học được đánh giá thông qua phong vấn, hỏi đáp trực tiếp. Các tiêu chí đánh giá này được thể hiện trong rubric 5.

- **Viết báo cáo (Written Report):**

Người học được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ hình ảnh, biểu đồ,... trong báo cáo. Tiêu chí đánh giá cụ thể theo phương pháp này theo rubric.

- **Thuyết trình (Oral Presentation):**

Phương pháp này hoàn toàn giống với phương pháp đánh giá thuyết trình trong loại đánh giá theo tiến trình theo rubric 4, Đánh giá được thực hiện theo định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ, hay cuối khóa).

- **Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assessment):**

Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của người học (như: tổ chức, quản lí, xây dựng nhóm làm việc hiệu quả; hoạt động nhóm; phát triển nhóm; lãnh đạo nhóm).

- **Thực hành (practice):**

Trong một số học phần môn học, người học được yêu cầu thực hành phát triển các kỹ năng thực hành nghề nghiệp.

- **Báo cáo thực tập, Đề án tốt nghiệp (graduation report, Thesis):**

Báo cáo thực tập tốt nghiệp, đề án tốt nghiệp được đánh giá bởi giảng viên hướng dẫn, hội đồng đánh giá luận văn tốt nghiệp bằng cách sử dụng các phiếu đánh giá phù hợp với ngành đào tạo.

**Bảng 1.7. Mối liên hệ giữa Phương pháp đánh giá (AMs)
nhằm đạt Chuẩn đầu ra (PLOs)**

Phương pháp đánh giá (Assessment)		PLOs											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
I	Đánh giá theo tiến trình (Ongoing, Formative Assessment)												
AM1	Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
AM2	Đánh giá bài tập (Work Assignment)	x	x	x	x	x	x	x	x			x	
AM3	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)	x	x	x	x	x	x	x	x			x	
11	Đánh giá tổng kết, định kỳ (Sum mative Assessment)												
AM4	Kiểm tra viết (Written Exam)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
AM5	Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple Choice Exam)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
AM6	Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
AM7	Viết báo cáo (Written Report)		x	x	x	x	x		x			x	
AM8	Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assessment)	x	x	x	x			x	x	x	x		
AM9	Thực hành (Practice)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
AM10	Báo cáo thực tập, Luận văn tốt nghiệp (Graduation Report. Thesis)	x	x	x	x	x	x	x	x				

1.10 Mô tả sự liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs), học phần, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs)

Bảng 1.8. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs), học phần, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs)

Chuẩn đầu ra PLOS	Mã HP	Tên học phần	Phương pháp dạy và học TMLs	Phương pháp đánh giá AMs
PLO1: Người học vận dụng kiến thức chung về triết học, ngoại ngữ và phương pháp nghiên cứu khoa học để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn công việc và cuộc sống.	KTDL.502	Phương pháp định lượng và thống kê trong nghiên cứu	TLM1, TLM2, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8, AM9
	CHPP.505	Phương pháp nghiên cứu khoa học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM11, TLM12, TLM13	AM1, AM2, AM4, AM7
	KTKT.508	Lý thuyết kiểm toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7 TLM11, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KTQN.512	Kế toán quản trị nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KTKS.515	Hệ thống kiểm soát quản trị	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KTQC.517	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM11, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTPT.518	Phân tích báo cáo tài chính nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM11, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4
	KTTN.520	Kế toán thuế nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTNB.521	Kiểm toán nội bộ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTLV.522	Luận văn thạc sĩ	TLM1, TLM6, TLM11, TLM15, TLM16, TLM17, TLM18, TLM19	AM10	
PLO2: Người học	KTTT.507	Hệ thống thông tin kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTKT.508	Lý thuyết kiểm toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7 TLM11, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5,

Chuẩn đầu ra PLOS	Mã HP	Tên học phần	Phương pháp dạy và học TMLs	Phương pháp đánh giá AMs
vận dụng những kiến thức chuyên sâu và cập nhật về khoa học kinh tế nói chung để phân tích các các hoạt động kinh doanh của các tổ chức liên quan đến lĩnh vực kinh doanh và quản lý.				AM8
	KTQT.509	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTKH.510	Kinh tế học quản lý	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KTTC.511	Kế toán tài chính nâng cao	TLM1, TLM2 TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTQN.512	Kế toán quản trị nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KTKS.515	Hệ thống kiểm soát quản trị	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KTQC.517	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM11, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTPT.518	Phân tích báo cáo tài chính nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM11, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4
	KTKQ.519	Kế toán quốc tế nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM2, AM4, AM5
	KTTN.520	Kế toán thuế nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTNB.521	Kiểm toán nội bộ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTLV.522	Luận văn thạc sĩ	TLM1, TLM6, TLM11, TLM15, TLM16, TLM17, TLM18, TLM19	AM10	
PLO3: Người học vận dụng và phát triển hệ thống các kiến thức thực tế và chuyên sâu, hiện	KTCK.506	Tổ chức công tác kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KTTT.507	Hệ thống thông tin kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTKT.508	Lý thuyết kiểm toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7 TLM11, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KTQT.509	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTTC.511	Kế toán tài chính nâng cao	TLM1, TLM2 TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5

Chuẩn đầu ra PLOS	Mã HP	Tên học phần	Phương pháp dạy và học TMLs	Phương pháp đánh giá AMs
đại, quốc tế về kế toán – kiểm toán để phát hiện, phân tích, đánh giá và đề xuất phương án giải quyết các vấn đề thực tiễn kế toán, kiểm toán trong đơn vị.	KTQN.512	Kế toán quản trị nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KTKC.513	Kiểm toán tài chính nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KTKS.515	Hệ thống kiểm soát quản trị	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KTCM.516	Luật kế toán và chuẩn mực kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTQC.517	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM11, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTPT.518	Phân tích báo cáo tài chính nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM11, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4
	KTKQ.519	Kế toán quốc tế nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM2, AM4, AM5
	KTTN.520	Kế toán thuế nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTNB.521	Kiểm toán nội bộ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
KTLV.522	Luận văn thạc sĩ	TLM1, TLM6, TLM11, TLM15, TLM16, TLM17, TLM18, TLM19	AM10	
PLO4: Người học vận dụng kỹ năng tự học, tổng hợp, phân tích, đánh giá để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề liên quan đến lĩnh vực kế toán, kiểm	KTDL.502	Phương pháp định lượng và thống kê trong nghiên cứu	TLM1, TLM2, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8, AM9
	KTLT.503	Lý thuyết kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	KTQD.504	Quản trị kinh doanh nâng cao	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM8, TLM10, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	CHPP.505	Phương pháp nghiên cứu khoa học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM11, TLM12, TLM13	AM1, AM2, AM4, AM7
	KTCK.506	Tổ chức công tác kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KTTT.507	Hệ thống thông tin kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTKT.508	Lý thuyết kiểm toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7 TLM11, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5,

Chuẩn đầu ra PLOS	Mã HP	Tên học phần	Phương pháp dạy và học TMLs	Phương pháp đánh giá AMs
toán.				AM8
	KTQT.509	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTKH.510	Kinh tế học quản lý	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KTTC.511	Kế toán tài chính nâng cao	TLM1, TLM2 TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTQN.512	Kế toán quản trị nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KTKC.513	Kiểm toán tài chính nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5,
	KTKS.515	Hệ thống kiểm soát quản trị	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KTQC.517	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM11, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTPT.518	Phân tích báo cáo tài chính nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM11, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4
	KTKQ.519	Kế toán quốc tế nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM2, AM4, AM5
	KTTN.520	Kế toán thuế nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTNB.521	Kiểm toán nội bộ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTLV.522	Luận văn thạc sĩ	TLM1, TLM6, TLM11, TLM15, TLM16, TLM17, TLM18, TLM19	AM10
PLO5: Người học có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, thảo luận các vấn đề	KTCK.506	Tổ chức công tác kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KTTT.507	Hệ thống thông tin kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTKT.508	Lý thuyết kiểm toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7 TLM11, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KTQT.509	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5

Chuẩn đầu ra PLOS	Mã HP	Tên học phần	Phương pháp dạy và học TMLs	Phương pháp đánh giá AMs
chuyên môn với người cùng ngành kế toán, kiểm toán và phân tích một cách khoa học những vấn đề liên quan đến chuyên môn; kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp ứng dụng trong hoạt động kế toán, kiểm toán.	KTTC.511	Kế toán tài chính nâng cao	TLM1, TLM2 TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTQN.512	Kế toán quản trị nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KTKC.513	Kiểm toán tài chính nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KTKS.515	Hệ thống kiểm soát quản trị	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KTCM.516	Luật kế toán và chuẩn mực kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTQC.517	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM11, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTPT.518	Phân tích báo cáo tài chính nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM11, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4
	KTKQ.519	Kế toán quốc tế nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM2, AM4, AM5
	KTTN.520	Kế toán thuế nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTNB.521	Kiểm toán nội bộ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTLV.522	Luận văn thạc sĩ	TLM1, TLM6, TLM11, TLM15, TLM16, TLM17, TLM18, TLM19	AM10
PLO6: Người học có kỹ năng truyền đạt tri thức trong lĩnh vực kế toán –	KTCK.506	Tổ chức công tác kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KTTT.507	Hệ thống thông tin kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTKT.508	Lý thuyết kiểm toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7 TLM11, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KTTC.511	Kế toán tài chính nâng cao	TLM1, TLM2 TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5

Chuẩn đầu ra PLOS	Mã HP	Tên học phần	Phương pháp dạy và học TMLs	Phương pháp đánh giá AMs
kiểm toán, hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ; kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động nghề nghiệp.	KTQN.512	Kế toán quản trị nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KTKC.513	Kiểm toán tài chính nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5,
	KTKS.515	Hệ thống kiểm soát quản trị	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KTCM.516	Luật kế toán và chuẩn mực kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTQC.517	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM11, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTPT.518	Phân tích báo cáo tài chính nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM11, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4
	KTKQ.519	Kế toán quốc tế nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM2, AM4, AM5
	KTTN.520	Kế toán thuế nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTNB.521	Kiểm toán nội bộ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTLV.522	Luận văn thạc sĩ	TLM1, TLM6, TLM11, TLM15, TLM16, TLM17, TLM18, TLM19	AM10
PLO7: Người học có kỹ năng tổ chức bộ máy kế toán và tổ chức công tác kế toán trong các loại hình doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, chính trị - xã hội	KTTT.507	Hệ thống thông tin kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTKT.508	Lý thuyết kiểm toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7 TLM11, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KTTC.511	Kế toán tài chính nâng cao	TLM1, TLM2 TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTQN.512	Kế toán quản trị nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KTKC.513	Kiểm toán tài chính nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5,
	KTKS.515	Hệ thống kiểm soát quản trị	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KTCM.516	Luật kế toán và chuẩn mực kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5

Chuẩn đầu ra PLOS	Mã HP	Tên học phần	Phương pháp dạy và học TMLs	Phương pháp đánh giá AMs
khác nhau.	KTKQ.519	Kế toán quốc tế nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM2, AM4, AM5
	KTTN.520	Kế toán thuế nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTNB.521	Kiểm toán nội bộ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTLV.522	Luận văn thạc sĩ	TLM1, TLM6, TLM11, TLM15, TLM16, TLM17, TLM18, TLM19	AM10
PLO8: Người học vận dụng thành thạo kỹ năng ngoại ngữ để có thể giao tiếp và trình bày báo cáo tài chính.	KTTT.507	Hệ thống thông tin kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTKT.508	Lý thuyết kiểm toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7 TLM11, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KTTC.511	Kế toán tài chính nâng cao	TLM1, TLM2 TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTQN.512	Kế toán quản trị nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KTKS.515	Hệ thống kiểm soát quản trị	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KTCM.516	Luật kế toán và chuẩn mực kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTQC.517	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM11, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTPT.518	Phân tích báo cáo tài chính nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM11, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4
	KTKQ.519	Kế toán quốc tế nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM2, AM4, AM5
	KTTN.520	Kế toán thuế nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
PLO9: Người học có thức cao về đạo đức nghề nghiệp;	KTDL.502	Phương pháp định lượng và thống kê trong nghiên cứu	TLM1, TLM2, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8, AM9
	KTLT.503	Lý thuyết kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	KTQD.504	Quản trị kinh doanh nâng cao	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM8, TLM10,	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5,

Chuẩn đầu ra PLOS	Mã HP	Tên học phần	Phương pháp dạy và học TMLs	Phương pháp đánh giá AMs
tuân thủ chính sách và pháp luật của Nhà nước; quy chế làm việc của tổ chức; luôn công tâm, khách quan, tôn trọng chữ tín và tinh thần trách nhiệm cao trong quá trình làm việc; có hành vi và ứng xử chuyên nghiệp, có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, luôn sẵn sàng thích nghi với sự thay đổi môi trường công việc.			TLM14, TLM15	AM8
	CHPP.505	Phương pháp nghiên cứu khoa học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM11, TLM12, TLM13	AM1, AM2, AM4, AM7
	KTCK.506	Tổ chức công tác kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KTTT.507	Hệ thống thông tin kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTKT.508	Lý thuyết kiểm toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7 TLM11, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KTQT.509	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTKH.510	Kinh tế học quản lý	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KTTC.511	Kế toán tài chính nâng cao	TLM1, TLM2 TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTQN.512	Kế toán quản trị nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KTKC.513	Kiểm toán tài chính nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KTKS.515	Hệ thống kiểm soát quản trị	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KTCM.516	Luật kế toán và chuẩn mực kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTQC.517	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM11, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTPT.518	Phân tích báo cáo tài chính nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM11, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4
	KTKQ.519	Kế toán quốc tế nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM2, AM4, AM5
KTTN.520	Kế toán thuế nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5	
KTNB.521	Kiểm toán nội bộ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5	

Chuẩn đầu ra PLOS	Mã HP	Tên học phần	Phương pháp dạy và học TMLs	Phương pháp đánh giá AMs
	KTLV.522	Luận văn thạc sĩ	TLM1, TLM6, TLM11, TLM15, TLM16, TLM17, TLM18, TLM19	AM10
PLO10: Người học có năng lực nghiên cứu độc lập, đưa ra những sáng kiến quan trọng, định hướng và hướng dẫn người khác về chuyên môn nghiệp vụ kế toán.	KTDL.502	Phương pháp định lượng và thống kê trong nghiên cứu	TLM1, TLM2, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8, AM9
	KTLT.503	Lý thuyết kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	KTQD.504	Quản trị kinh doanh nâng cao	TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM8, TLM10, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	CHPP.505	Phương pháp nghiên cứu khoa học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM11, TLM12, TLM13	AM1, AM2, AM4, AM7
	KTCK.506	Tổ chức công tác kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KTTT.507	Hệ thống thông tin kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTKT.508	Lý thuyết kiểm toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7 TLM11, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KTQT.509	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTKH.510	Kinh tế học quản lý	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KTTC.511	Kế toán tài chính nâng cao	TLM1, TLM2 TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTQN.512	Kế toán quản trị nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KTKC.513	Kiểm toán tài chính nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KTKS.515	Hệ thống kiểm soát quản trị	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
KTCM.516	Luật kế toán và chuẩn mực kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5	
KTQC.517	Quản trị tài chính doanh nghiệp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM11, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5	

Chuẩn đầu ra PLOS	Mã HP	Tên học phần	Phương pháp dạy và học TMLs	Phương pháp đánh giá AMs
		nâng cao		
	KTPT.518	Phân tích báo cáo tài chính nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM11, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4
	KTKQ.519	Kế toán quốc tế nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM2, AM4, AM5
	KTTN.520	Kế toán thuế nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTNB.521	Kiểm toán nội bộ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTLV.522	Luận văn thạc sĩ	TLM1, TLM6, TLM11, TLM15, TLM16, TLM17, TLM18, TLM19	AM10
PLO11: Người học tốt nghiệp đạt trình độ ngoại ngữ do Hiệu trưởng quy định theo đề nghị của Hội đồng khoa học đào tạo nhưng tối thiểu phải từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.	KTKS.515	Hệ thống kiểm soát quản trị	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KTCM.516	Luật kế toán và chuẩn mực kế toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTTN.520	Kế toán thuế nâng cao	TLM1, TLM2, TLM4, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM5
	KTLV.522	Luận văn thạc sĩ	TLM1, TLM6, TLM11, TLM15, TLM16, TLM17, TLM18, TLM19	AM10

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy

Kiến thức toàn khóa học: 60 tín chỉ tích lũy.

Bảng 2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy ngành kế toán

Khối kiến thức và lập luận về ngành		Số tín chỉ	Tỷ lệ %
1	Kiến thức chung	04	6,7
2	Kiến thức cơ sở và chuyên ngành	44	73,3
3	Luận văn thạc sĩ	12	20
Tổng cộng		60	100%

2.2. Các khối kiến thức chương trình giảng dạy

2.2.1. Khối kiến thức chung (4 tín chỉ)

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kế toán giảng dạy cho khối kiến thức chung là học phần Triết học với số tín chỉ là 04.

2.2.2. Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành (44 tín chỉ)

Khối kiến thức cơ sở (18 tín chỉ)

Khối kiến thức bắt buộc gồm 9 tín chỉ, học viên sẽ nghiên cứu các học phần:

- + Phương pháp định lượng và thống kê trong nghiên cứu
- + Lý thuyết kế toán
- + Quản trị kinh doanh nâng cao

Khối kiến thức lựa chọn gồm 9 tín chỉ, học viên sẽ được lựa chọn 3 trong 6 học phần sau:

- + Phương pháp nghiên cứu khoa học
- + Tổ chức công tác kế toán
- + Hệ thống thông tin kế toán
- + Lý thuyết kiểm toán
- + Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp
- + Kinh tế học quản lý

Kiến thức chuyên ngành (26 tín chỉ)

Trong đó, có 05 học phần bắt buộc, gồm:

- + Kế toán tài chính nâng cao
- + Kế toán quản trị nâng cao
- + Kiểm toán tài chính nâng cao
- + Quản trị chi phí
- + Hệ thống kiểm soát quản trị

Có 03 học phần lựa chọn trong 6 học phần sau:

- + Luật kế toán và chuẩn mực kế toán
- + Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao
- + Phân tích báo cáo tài chính nâng cao
- + Kế toán quốc tế nâng cao
- + Kế toán thuế nâng cao
- + Kiểm toán nội bộ

2.2.3. Luận văn thạc sĩ (12 tín chỉ)

Vận dụng và phát triển kiến thức chuyên sâu và hiện đại, lý thuyết sâu rộng vào thực tiễn các hoạt động của lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tài chính.

Bảng 2.2. Ma trận liên hệ giữa các khối kiến thức và Chuẩn đầu ra (PLOs)

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		Chuẩn đầu ra (PLOs)										
		SL	%	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Kiến thức chung	4	6,7	M	H			M	M			M	M	M
2	Kiến thức cơ sở và chuyên ngành	44	73,3		H	H	H	H	H	H	H	H	M	M
3	Luận án thạc sĩ	12	20	M	H	H	H	M	M	H	H	M	M	M

Chú thích: H - Cao, M - Trung bình, L - Thấp

2.3. Danh sách học phần

Bảng 2.3. Danh sách các học phần trong chương trình giảng dạy ngành kế toán

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.1 Kiến thức chung										
1.1.1	CHTH.501	Triết học	Philosophy	4	4					
1.2 Kiến thức cơ sở và chuyên ngành										
1.2.1 Kiến thức cơ sở										
1.2.1.1	Các học phần bắt buộc (03 học phần, 09 tín chỉ)									
1.2.1.1.1	KTDL.502	Phương pháp định lượng và thống kê trong nghiên cứu	Quantitative and Statistics Of Research	3	3					
1.2.1.1.2	KTLT.503	Lý thuyết kế toán	Accounting Theory	3	3					
1.2.1.1.3	KTQD.504	Quản trị kinh doanh nâng cao	Advanced Business Management	3	3					
1.2.1.2	Các học phần tự chọn (Chọn 03/06 học phần, 09/18 tín chỉ)									
1.2.1.2.1	CHPP.505	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Research Methodology	3	3					
1.2.1.2.2	KTCK.506	Tổ chức công tác kế toán	Advanced accounting structure	3	3					
1.2.1.2.3	KTTT.507	Hệ thống thông tin kế toán	Accounting Information System	3	3					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.2.1.2.4	KTKT.508	Lý thuyết kiểm toán	Auditing Theory	3	3					
1.2.1.2.5	KTQT.509	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	Financial Management in Public Sector	3	3					
1.2.1.2.6	KTKH.510	Kinh tế học quản lý		3	3					
1.2.2 Kiến thức chuyên ngành										
1.2.2.1	<i>Các học phần bắt buộc (05 học phần, 17 tín chỉ)</i>									
1.2.2.1.1	KTTC.511	Kế toán tài chính nâng cao	Advanced financial accounting	4	4					
1.2.2.1.2	KTQN.512	Kế toán quản trị nâng cao	Advanced anagement Accounting	4	4					
1.2.2.1.3	KTKC.513	Kiểm toán tài chính nâng cao	Advanced Financial Statements Audit	3	3					
1.2.2.1.4	KTCP.514	Quản trị chi phí	Cost Management	3	3					
1.2.2.1.5	KTKS.515	Hệ thống kiểm soát quản trị	Management Control Systems	3	3					
1.2.2.2	<i>Học phần tự chọn (Chọn 03/06 học phần, 09/18 tín chỉ)</i>									
1.2.2.2.1	KTCM.516	Luật kế toán và chuẩn mực kế toán	Law and accounting standards	3	3					
1.2.2.2.2	KTQC.517	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	Advanced Corporate Finance Management	3	3					
1.2.2.2.3	KTPT.518	Phân tích báo cáo tài chính nâng cao	Advanced Finance Reporting Analysis	3	3					
1.2.2.2.4	KTKQ.519	Kế toán quốc tế nâng	Advanced	3	3					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
		cao	International Accounting							
1.2.2.2.5	KTTN.520	Kế toán thuế nâng cao	Advanced Tax Accounting	3	3					
1.2.2.2.6	KTNB.521	Kiểm toán nội bộ	Internal Audit	3	3					
1.3 Luận văn thạc sĩ				12				12		
Tổng cộng				60	48			12		

2.4. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Bảng 2.4. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Tên học phần	CHUẨN ĐẦU RA PLOs										
			Kiến thức			Kỹ năng					Mức tự chủ, chịu trách nhiệm		Trình độ Ngoại ngữ
		Tiếng Việt	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11
1.1 Kiến thức chung													
1.1.1	CHTH.501	Triết học	I, T,U	I, T,U		U					T, U	T, U	
1.2 Kiến thức cơ sở và chuyên ngành													
1.2.1 Kiến thức cơ sở													
1.2.1.1	Các học phần bắt buộc												
1.2.1.1.1	KTDL.502	Phương pháp định	T, U	T, U		U					U	U	

TT	Mã HP	Tên học phần	CHUẨN ĐẦU RA PLOs										
			Kiến thức			Kỹ năng					Mức tự chủ, chịu trách nhiệm		Trình độ Ngoại ngữ
			Tiếng Việt	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
		lượng và thống kê trong nghiên cứu											
1.2.1.1.2	KTLT.503	Lý thuyết kế toán			I, T,U	I, T,U	I, T,U	T, U	T, U		I, T,U	T, U	
1.2.1.1.3	KTQD.504	Quản trị kinh doanh nâng cao	T,U	T,U		U					U	U	
1.2.1.2	Các học phần tự chọn												
1.2.1.2.1	CHPP.505	Phương pháp nghiên cứu khoa học	T, U	T, U		U					U	U	
1.2.1.2.2	KTCK.506	Tổ chức công tác kế toán			I, T,U	I, T,U	I, T,U	I, T,U	I, T,U		I,U	I,U	
1.2.1.2.3	KTTT.507	Hệ thống thông tin kế toán			I, T,U	T,U	T,U	T,U	T,U	T,U	T,U	T,U	
1.2.1.2.4	KTKT.508	Lý thuyết kiểm toán	I, T,U	I, T,U	I, T,U	I, T,U	I, T,U	I, T,U	I, T,U	I, T,U	I, T,U	I, T,U	
1.2.1.2.5	KTQT.509	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	I	I,T,U	I,T,U	T,U	T,U		T,U		I,U	T,U	
1.2.1.2.6	KTKH.510	Kinh tế học quản lý	I,T,U	T,U		T,U					T,U	T,U	
1.2.2 Kiến thức chuyên ngành													
1.2.2.1	Các học phần bắt buộc												
1.2.2.1.1	KTTC.511	Kế toán tài chính nâng cao			I, T,U	T,U	T,U	T,U	T,U	T,U	T,U	T,U	
1.2.2.1.2	KTQN.512	Kế toán quản trị nâng cao	I	I	I, T,U	I, T,U	I	I, T,U	I, T,U	T,U	I, T,U	T,U	
1.2.2.1.3	KTKC.513	Kiểm toán tài chính	I	I, T,U	T,U		T,U	T,U	T,U		T,U	T,U	

TT	Mã HP	Tên học phần	CHUẨN ĐẦU RA PLOs										
			Kiến thức			Kỹ năng					Mức tự chủ, chịu trách nhiệm		Trình độ Ngoại ngữ
			Tiếng Việt	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
		nâng cao											
1.2.2.1.4	KTCP.514	Quản trị chi phí	I	I	I, T,U	I, T,U	I	I, T,U	I, T,U	T,U	I, T,U	T,U	T,U
1.2.2.1.5	KTKS.515	Hệ thống kiểm soát quản trị	I	I	I, T,U	I, T,U	I	I, T,U	I, T,U	T,U	I, T,U	T,U	T,U
1.2.2.2	Học phần tự chọn												
1.2.2.2.1	KTCM.516	Luật kế toán và chuẩn mực kế toán			I, T,U	I, T,U	I, T,U	TU	TU		I, T,U	TU	
1.2.2.2.2	KTQC.517	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	I	I,T,U	I,T,U	T,U	T,U		T,U		I,U	T,U	
1.2.2.2.3	KTPT.518	Phân tích báo cáo tài chính nâng cao	I, T,U	I, T,U	I, T,U	T,U	T,U	T,U	T,U		I,U	I,U	
1.2.2.2.4	KTKQ.519	Kế toán quốc tế nâng cao			I, T,U	T,U	T,U	T,U	T,U	T,U	T,U	T,U	
1.2.2.2.5	KTTN.520	Kế toán thuế nâng cao	I, T,U	I, T,U	I, T,U	I, T,U	I, T,U	I, T,U	I, T,U	T,U	I, T,U	I, T,U	T,U
1.2.2.2.6	KTNB.521	Kiểm toán nội bộ	I		I, T,U		I,T,U	I, T,U	I, T,U		T,U	T,U	
1.3	KTLV.522	Luận văn thạc sĩ	I	I	I, T,U	T,U	I, T,U	I, T,U	I, T,U	T,U	I, T,U	I, T,U	T,U

Ghi chú: I - Introduce, T - Teach, U - Utilize

2.5. Ma trận Chiến lược phương pháp dạy và học của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra

Bảng 2.5. Ma trận Chiến lược phương pháp dạy và học của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra

TT	Mã HP	Tên học phần	Phương pháp dạy và học TMLs																		
			I. Dạy học trực tiếp				Dạy học dựa vào hoạt động - Trải nghiệm			Dạy kỹ năng tu duy		Dạy học tương tác	Dạy học theo hướng nghiên cứu – giảng dạy			Dạy học dựa vào công nghệ	Tự học	Chia sẻ nhóm đôi	Kỹ thuật Động não	Lớp học đảo ngược	Sơ đồ tư duy
			TLM 1	TLM 2	TLM 3	TLM 4	TLM 5	TLM 6	TLM 7	TLM 8	TLM 9	TLM 10	TLM 11	TLM 12	TLM 13	TLM 14	TLM 15	TLM 16	TLM 17	TLM 18	TLM 19
1.1 Kiến thức chung																					
1.1.1	CHTH.501	Triết học	X	X		X			X	X		X							X		
1.2 Kiến thức cơ sở và chuyên ngành																					
1.2.1 Kiến thức cơ sở																					
1.2.1.1	Các học phần bắt buộc																				
1.2.1.1.1	KTDL.502	Phương pháp định lượng và thống kê trong nghiên cứu	X	X					X	X									X		
1.2.1.1.2	KTLT.503	Lý thuyết kế toán	X	X		X			X										X		
1.2.1.1.3	KTQD.504	Quản trị kinh doanh nâng cao		X		X			X	X	X	X				X	X				
1.2.1.2	Các học phần tự chọn																				
1.2.1.2.1	CHPP.505	Phương pháp nghiên cứu khoa học	X	X		X			X	X			X	X	X						
1.2.1.2.2	KTCK.506	Tổ chức công	X	X		X			X									X			

TT	Mã HP	Tên học phần	Phương pháp dạy và học TMLs																		
			I. Dạy học trực tiếp				Dạy học dựa vào hoạt động - Trải nghiệm			Dạy kỹ năng tu duy		Dạy học tương tác	Dạy học theo hướng nghiên cứu – giảng dạy			Dạy học dựa vào công nghệ	Tự học	Chia sẻ nhóm đôi	Kỹ thuật Động não	Lớp học đảo ngược	Sơ đồ tư duy
			TLM 1	TLM 2	TLM 3	TLM 4	TLM 5	TLM 6	TLM 7	TLM 8	TLM 9	TLM 10	TLM 11	TLM 12	TLM 13	TLM 14	TLM 15	TLM 16	TLM 17	TLM 18	TLM 19
		tác kế toán																			
1.2.1.2.3	KTTT.507	Hệ thống thông tin kế toán	x	x		x														x	
1.2.1.2.4	KTKT.508	Lý thuyết kiểm toán	x	x		x			x					x						x	
1.2.1.2.5	KTQT.509	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	x	x		x			x	x				x						x	
1.2.1.2.6	KTKH.510	Kinh tế học quản lý	x	x		x					x	x								x	
1.2.2 Kiến thức chuyên ngành																					
1.2.2.1	Các học phần bắt buộc																				
1.2.2.1.1	KTTC.511	Kế toán tài chính nâng cao	x	x		x														x	
1.2.2.1.2	KTQN.512	Kế toán quản trị nâng cao	x	x		x					x	x								x	
1.2.2.1.3	KTKC.513	Kiểm toán tài chính nâng cao	x	x		x			x								x			x	
1.2.2.1.4	KTCP.514	Quản trị chi phí	x	x		x					x	x								x	
1.2.2.1.5	KTKS.515	Hệ thống kiểm	x	x		x					x	x								x	

TT	Mã HP	Tên học phần	Phương pháp dạy và học TMLs																		
			I. Dạy học trực tiếp				Dạy học dựa vào hoạt động - Trải nghiệm			Dạy kỹ năng tu duy		Dạy học tương tác	Dạy học theo hướng nghiên cứu – giảng dạy			Dạy học dựa vào công nghệ	Tự học	Chia sẻ nhóm đôi	Kỹ thuật Động não	Lớp học đảo ngược	Sơ đồ tư duy
			TLM 1	TLM 2	TLM 3	TLM 4	TLM 5	TLM 6	TLM 7	TLM 8	TLM 9	TLM 10	TLM 11	TLM 12	TLM 13	TLM 14	TLM 15	TLM 16	TLM 17	TLM 18	TLM 19
		soát quản trị																			
1.2.2.2	Học phần tự chọn																				
1.2.2.2.1	KTCM.516	Luật kế toán và chuẩn mực kế toán	x	x		x				x										x	
1.2.2.2.2	KTQC.517	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	x	x		x				x				x						x	
1.2.2.2.3	KTPT.518	Phân tích báo cáo tài chính nâng cao	x	x		x				x				x						x	
1.2.2.2.4	KTKQ.519	Kế toán quốc tế nâng cao	x	x		x														x	
1.2.2.2.5	KTTN.520	Kế toán thuế nâng cao	x	x		x					x	x								x	
1.2.2.2.6	KTNB.521	Kiểm toán nội bộ	x	x		x				x										x	
1.3	KTLV.522	Luận văn thạc sĩ	x							x				x						x	

2.6. Ma trận phương pháp đánh giá của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra

Bảng 2.6. Bảng ma trận phương pháp đánh giá các học phần đáp ứng chuẩn đầu ra

TT	Mã HP	Tên học phần	Phương pháp đánh giá AMs										
			Đánh giá theo tiến trình			Đánh giá tổng kết, định kỳ							
			AM1	AM2	AM3	AM 4	AM 5	AM 6	AM 7	AM 8	AM 9	AM10	
1.1 Kiến thức chung													
1.1.1	CHTH.501	Triết học	x	x		x			x				
1.2 Kiến thức cơ sở và chuyên ngành													
1.2.1 Kiến thức cơ sở													
1.2.1.1	<i>Các học phần bắt buộc</i>												
1.2.1.1.1	KTDL.502	Phương pháp định lượng và thống kê trong nghiên cứu	x	x		x				x	x		
1.2.1.1.2	KTLT.503	Lý thuyết kế toán	x	x	x	x				x			
1.2.1.1.3	KTQD.504	Quản trị kinh doanh nâng cao	x	x	x	x	x			x			
1.2.1.2	<i>Các học phần tự chọn</i>												
1.2.1.2.1	CHPP.505	Phương pháp nghiên cứu khoa học	x	x		x			x				
1.2.1.2.2	KTCK.506	Tổ chức công tác kế toán	x	x	x	x	x			x			
1.2.1.2.3	KTTT.507	Hệ thống thông tin kế toán	x	x		x	x						
1.2.1.2.4	KTKT.508	Lý thuyết kiểm toán	x	x	x	x	x			x			
1.2.1.2.5	KTQT.509	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	x	x		x	x						

TT	Mã HP	Tên học phần	Phương pháp đánh giá AMs									
			Đánh giá theo tiến trình			Đánh giá tổng kết, định kỳ						
			AM1	AM2	AM3	AM 4	AM 5	AM 6	AM 7	AM 8	AM 9	AM10
1.2.1.2.6	KTKH.510	Kinh tế học quản lý	x	x	x	x	x			x		
1.2.2 Kiến thức chuyên ngành												
1.2.2.1	Các học phần bắt buộc											
1.2.2.1.1	KTTC.511	Kế toán tài chính nâng cao	x	x		x	x					
1.2.2.1.2	KTQN.512	Kế toán quản trị nâng cao	x	x	x	x	x			x		
1.2.2.1.3	KTKC.513	Kiểm toán tài chính nâng cao	x	x	x	x	x					
1.2.2.1.4	KTCP.514	Quản trị chi phí	x	x		x	x					
1.2.2.1.5	KTKS.515	Hệ thống kiểm soát quản trị	x	x	x	x	x			x		
1.2.2.2	Học phần tự chọn											
1.2.2.2.1	KTCM.516	Luật kế toán và chuẩn mực kế toán	x	x		x	x					
1.2.2.2.2	KTQC.517	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	x	x		x	x					
1.2.2.2.3	KTPT.518	Phân tích báo cáo tài chính nâng cao	x	x	x	x						
1.2.2.2.4	KTKQ.519	Kế toán quốc tế nâng cao	x	x		x	x					
1.2.2.2.5	KTTN.520	Kế toán thuế nâng cao	x	x	x	x						
1.2.2.2.6	KTNB.521	Kiểm toán nội bộ	x	x		x	x					
1.3	KTLV.522	Luận văn thạc sĩ										x

2.7. Tiến trình giảng dạy

Bảng 2.7 Sơ đồ tiến trình đào tạo

SƠ ĐỒ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ							
Học kì 1	Triết học (4 TC)	Phương pháp định lượng và thống kê trong nghiên cứu (3 TC)	Lý thuyết kế toán (3 TC)	Quản trị kinh doanh nâng cao (3 TC)	Lý thuyết kiểm toán (3 TC)	Kế toán tài chính nâng cao (4TC)	Kế toán quản trị nâng cao (4TC)
Học kì 2	Tổ chức công tác kế toán (3 TC)	Hệ thống thông tin kế toán (3 TC)	Kiểm toán tài chính nâng cao (3 TC)	Quản trị chi phí (3 TC)	Hệ thống kiểm soát quản trị (3TC)		
Học kì 3	Luật kế toán và chuẩn mực kế toán (3 TC)	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao (3 TC)	Kiểm toán nội bộ (3 TC) (3 TC)	Kế toán thuế nâng cao (3 TC)	Phân tích báo cáo tài chính nâng cao (3 TC)	Kế toán quốc tế nâng cao (3 TC)	
	Học phần tự chọn: Chọn 3/6 (9 TC)						
Học kì 4	Luận văn thạc sĩ ngành Kế toán (12 TC)						

2.1. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

1. Triết học

Số tín chỉ: 04 TC

Nội dung tóm tắt học phần:

Học phần trình bày những nét khái quát nhất về triết học, lịch sử triết học Phương Đông, Phương Tây và TH Mác- Lênin và vai trò của triết học Mác- Lênin trong đời sống xã hội; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế- xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

2. Phương pháp định lượng và thống kê trong nghiên cứu

Số tín chỉ: 03TC

Nội dung tóm tắt học phần:

Vấn đề đầu tiên và hết sức quan trọng trong mọi hoạt động kinh tế - xã hội và nghiên cứu khoa học đó là phải có đầy đủ thông tin về mọi mặt kể cả thông tin sơ cấp và thứ cấp. Các thông tin này cần được thu thập, tổng hợp và phân tích bằng các phương pháp thích hợp là căn cứ khoa học đáng tin cậy trong nghiên cứu và cho việc ra quyết định quản lý.

Hoạt động kinh tế - xã hội hay nghiên cứu khoa học đều cần quan tâm đến ba yếu tố có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, đó là: lý luận, phương pháp định lượng và thống kê. Xuất phát từ những nội dung nghiên cứu, những nhiệm vụ trong quản lý và đặc điểm tình hình cụ thể nhằm vào mục tiêu nào, trên cơ sở đó xác định thông tin cần thu thập, các biện pháp thu thập dữ liệu, xử lý và phân tích các dữ liệu đó. Trên cơ sở các phân tích định lượng rút ra kết luận về sự tồn tại thực tế của hiện tượng, bản chất và tính quy luật đang tồn tại, từ đó đưa ra các kết luận, đánh giá và giải pháp thích hợp với từng hiện tượng trong từng giai đoạn cụ thể... Hệ thống các phương pháp thu thập dữ liệu, xử lý và phân tích định lượng các dữ liệu đó được trình bày trong học phần Phương pháp định lượng và thống kê trong nghiên cứu.

3. Lý thuyết kế toán

Số tín chỉ: 03TC

Nội dung tóm tắt học phần:

Giới thiệu các phương pháp luận cơ bản được áp dụng để hình thành (xây dựng) các học thuyết kế toán, đồng thời làm rõ vai trò của nghiên cứu trong hình thành các học thuyết kế toán cũng như vai trò của các học thuyết đối với sự phát triển của kế toán.

4. Quản trị kinh doanh nâng cao

Số tín chỉ: 03TC

Nội dung tóm tắt học phần:

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh trong điều kiện hội nhập kinh tế thế giới, phản ứng của nhà quản trị trước những thay đổi của môi trường kinh doanh, cấu trúc doanh nghiệp và ngành kinh doanh, quản trị sự xung đột và rủi ro

5. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Số tín chỉ: 03TC

Nội dung tóm tắt học phần:

Học phần sẽ cung cấp cho học viên những kiến thức nền tảng về phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn. Thông qua môn học, học viên sẽ nắm được các nguyên lý cơ bản trong phương pháp nghiên cứu, biết được mục đích của nghiên cứu cũng như cách thức tiến hành nghiên cứu. Học viên sẽ nắm được các bước trong một quy trình nghiên cứu, từ việc xác định vấn đề nghiên cứu, đặt câu hỏi nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu cho tới tiến hành thu thập và xử lý dữ liệu, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu. Học phần cũng sẽ cung cấp cho người học các công cụ và phương pháp phân tích và xử lý dữ liệu như: SPSS, PLS-SEM, AMOS, Fuzzy AHP... Bên cạnh giờ giảng lý thuyết, học viên sẽ thực hiện đề án nghiên cứu để làm quen với việc tiến hành một nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế và xã hội.

6. Tổ chức công tác kế toán

Số tín chỉ: 03TC

Nội dung tóm tắt học phần:

Học phần này trang bị những kiến thức chuyên sâu về tổ chức kế toán trong doanh nghiệp. Học phần nghiên cứu từ tổng quan, những vấn đề chung của tổ chức kế toán đến vấn đề chuyên sâu cụ thể, từ tổ chức thu nhận thông tin kế toán, tổ chức hệ thống hóa và xử lý thông tin kế toán, tổ chức cung cấp thông tin kế toán và tổ chức lao động kế toán và bộ máy kế toán đặc biệt trong điều kiện tin học hóa cũng được chú ý trong học phần này. Việc vận dụng các quy định pháp luật kế toán ở Việt Nam hiện nay để thực hiện các nội dung tổ chức công tác kế toán cũng được đề cập trong học phần.

7. Hệ thống thông tin Kế toán

Số tín chỉ: 03TC

Nội dung tóm tắt học phần:

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về hệ thống thông tin kế toán, bao gồm: tổng quan về hệ thống thông tin kế toán; các vấn đề cơ bản về đạo đức, gian lận và kiểm soát nội bộ và ứng dụng kiểm soát nội bộ trong xây dựng và đánh giá hệ thống thông tin kế toán. Đồng thời học phần cung cấp cho người học hệ thống thông tin kế

toán trong các chu trình kinh doanh cụ thể và trong hệ thống báo cáo kế toán. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong điều kiện thủ công và ứng dụng phần mềm kế toán.

8. Lý thuyết kiểm toán

Số tín chỉ: 03TC

Nội dung tóm tắt học phần:

Học phần lý thuyết kiểm toán cung cấp cho người học các kiến thức về khái niệm, bản chất, chức năng, đối tượng của kiểm toán; Các loại hình kiểm toán và chủ thể kiểm toán; Các khái niệm cơ bản sử dụng trong kiểm toán; Hệ thống phương pháp kiểm toán; Trình tự tổ chức công tác kiểm toán của kiểm toán nói chung, kiểm toán hoạt động, kiểm toán tuân thủ, kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán dự án đầu tư.

9. Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp

Số tín chỉ: 03TC

Nội dung tóm tắt học phần:

Học phần này trang bị những kiến thức về quản trị tài chính trong các đơn vị sự nghiệp và các kỹ năng quản trị tài chính giúp cho học viên nắm chắc các kiến thức và quy định về quản trị tài chính trong các đơn vị hành chính - sự nghiệp. Thông qua học phần, học viên nắm được các quy định và cách thức lập dự toán, tiếp nhận sử dụng nguồn kinh phí và lập báo cáo quyết toán tính hình sử dụng kinh phí tại các đơn vị sự nghiệp.

Việc vận dụng các qui định pháp luật về quản lý tài chính trong đơn vị sự nghiệp ở Việt Nam hiện nay để thực hiện các nội dung công tác quản lý tài chính trong đơn vị sự nghiệp cũng được đề cập trong học phần.

10. Kinh tế học quản lý

Số tín chỉ: 03TC

Nội dung tóm tắt học phần:

Kinh tế học quản lý là môn kinh tế ứng dụng trong thực tiễn quản lý, vận dụng lý thuyết kinh tế vào phân tích và đưa ra những quyết định kinh doanh giúp doanh nghiệp đạt được mục tiêu với hiệu quả cao nhất. Kinh tế học quản lý có mối quan hệ chặt chẽ với các lĩnh vực khác như marketing, tài chính, khoa học quản lý, chiến lược kinh doanh và kế toán. Học phần cung cấp nền tảng các nguyên lý kinh tế vi mô như phân tích cung cầu thị trường, dự báo cầu, phân tích cấu trúc thị trường, phân tích rủi ro. Học phần có sử dụng những kỹ thuật định lượng (tối ưu hóa, kinh tế lượng) trong phân tích kinh tế..

11. Kế toán tài chính nâng cao

Số tín chỉ: 04TC

Nội dung tóm tắt học phần:

Học phần này trước hết nghiên cứu các vấn đề cơ bản của kế toán tài chính, sự ảnh hưởng của hệ thống pháp luật nói chung đến kế toán tài chính. Tiếp đến, học phần đề cập đến những vấn đề của kế toán tài chính trong doanh nghiệp gồm: Kế toán các yếu tố của quá trình sản xuất kế toán như kế toán tiền lương, nguyên vật liệu và tài sản cố định. Kế toán doanh thu chi phí xác định kết quả kinh doanh, kế toán các khoản đầu tư tài chính, lập báo cáo tài chính trên cơ sở vận dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán. Đặc biệt, học phần đề cập đến nhiều vấn đề liên quan đến kế toán nâng cao như các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng cũng như sự thay đổi chính sách kế toán ước tính kế toán và các sai sót. Đối với báo cáo tài chính, học phần tập trung tìm hiểu kỹ thuật lập báo cáo tài chính hợp nhất trong tập đoàn kinh tế.

12. Kế toán quản trị nâng cao

Số tín chỉ: 04TC

Nội dung tóm tắt học phần:

Học phần cung cấp kiến thức nâng cao phục vụ cho lập kế hoạch, thiết kế hệ thống kiểm soát, đánh giá hiệu quả và xây dựng giá chuyên nhượng gắn với mục tiêu và sự thành công trong thực hiện chiến lược của doanh nghiệp.

13. Kiểm toán tài chính nâng cao

Số tín chỉ: 03TC

Nội dung tóm tắt học phần:

Kiểm toán tài chính là học phần đòi hỏi người học không những phải nắm vững kiến thức của một số môn khoa học cơ bản mà còn phải có hiểu biết sâu về các môn cơ bản của chuyên ngành kế toán, tài chính và luật. Theo đó, người học cần phải được trang bị trước các kiến thức của các học phần như Lý thuyết kiểm toán (kiểm toán căn bản); kế toán tài chính; kế toán quản trị; tài chính doanh nghiệp và luật kinh tế.

14. Quản trị chi phí

Số tín chỉ: 03TC

Nội dung tóm tắt học phần:

Hệ Học phần cung cấp kiến thức phục vụ cho quản trị chi phí giúp tổ chức (doanh nghiệp, đơn vị HCSN) nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng khả năng cạnh tranh và thành công trong thực hiện chiến lược.

15. Hệ thống kiểm soát quản trị

Số tín chỉ: 03TC

Nội dung tóm tắt học phần:

Hệ thống kiểm soát quản lý là học phần nâng cao nghiên cứu ảnh hưởng của hệ thống quản trị ảnh hưởng đến các thành viên khác của tổ chức trong quá trình thực hiện chiến lược của tổ chức. Các nội dung này liên quan đến con người và hành vi nên thường được gọi là kế toán hành vi. Học phần nghiên cứu về hệ thống kiểm soát quản trị và ảnh hưởng của nó đến hành vi của các nhà quản trị trong tổ chức (doanh nghiệp, đơn vị HCSN).

16. Luật kế toán và chuẩn mực kế toán

Số tín chỉ: 03TC

Nội dung tóm tắt học phần:

Học phần này trước hết nghiên cứu nội dung của Luật kế toán và các văn bản hướng dẫn, nghiên cứu quy trình soạn thảo và ban hành các Chuẩn mực kế toán Quốc tế và Việt Nam, sự hoà hợp và những điểm khác biệt cơ bản giữa hai hệ thống Chuẩn mực kế toán. Tiếp đến, học phần giới thiệu hệ thống Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, khái quát lịch sử hình thành và những thay đổi quan trọng. Cuối cùng, học phần này đề cập đến nội dung cơ bản của một số Chuẩn mực kế toán Quốc tế trên cơ sở so sánh với Chuẩn mực kế toán Việt Nam

17. Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao

Số tín chỉ: 03TC

Nội dung tóm tắt học phần:

Học phần nghiên cứu các vấn đề lý thuyết chuyên sâu về quản trị tài chính doanh nghiệp: Nguyên tắc quản trị tài chính hiện đại, đặc điểm các nguồn vốn của doanh nghiệp, các phương thức huy động vốn, phân tích khái quát tình hình tài chính doanh nghiệp, các quyết định tài chính ngắn hạn của doanh nghiệp: quản lý dòng tiền vào, ra, các luật liên quan tới quản lý tài chính trong các doanh nghiệp nhà nước, cơ cấu vốn và chi phí vốn, các quyết định đầu tư dài hạn của doanh nghiệp, phân tích các chính sách tín dụng thương mại của doanh nghiệp, tác động của thuế đến hoạt động tài chính doanh nghiệp. Học phần cũng nghiên cứu về các mô hình lập kế hoạch tài chính dài hạn của một doanh nghiệp. Các vấn đề về tái cấu trúc và sắp xếp doanh nghiệp cũng được đề cập một cách cơ bản.

18. Phân tích báo cáo tài chính nâng cao

Số tín chỉ: 03TC

Nội dung tóm tắt học phần:

Học phần cung cấp kiến thức cho người học có năng lực chuyên môn sâu, có kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và tổ chức điều hành công tác chuyên môn trong lĩnh vực kế toán và phân tích tài chính. Trên cơ sở đó đáp ứng nhu cầu nhân sự cao trong nền kinh tế thị trường

19. Kế toán quốc tế nâng cao

Số tín chỉ: 03TC

Nội dung tóm tắt học phần:

Học phần này trước hết nghiên cứu các vấn đề cơ bản của kế toán quốc tế. Tiếp đến, học phần đề cập đến những vấn đề của Đặc điểm hệ thống kế toán Tây Âu gồm: Khái quát chung về hệ thống kế toán Pháp; Kế toán bất động sản và khấu hao bất động sản; Kế toán tiền lương; Kế toán hàng tồn kho; Kế toán chi phí sản xuất kinh doanh; Kế toán bán hàng; Kế toán điều chỉnh chi phí, thu nhập và xác định kết quả hoạt động kinh doanh. Ngoài ra, học phần đề cập đến đặc điểm hệ thống kế toán Bắc Mỹ gồm: Khái quát chung về hệ thống kế toán Bắc Mỹ; Kế toán tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định; Kế toán tiền lương và các khoản công nợ; Kế toán hàng tồn kho; Kế toán chi phí sản xuất kinh doanh; Kế toán bán hàng; Kế toán điều chỉnh chi phí, thu nhập và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

20. Kế toán thuế nâng cao

Số tín chỉ: 03TC

Nội dung tóm tắt học phần:

Học phần này sẽ trang bị cho học viên khái quát chung về lịch sử hình thành và sự phát triển của các loại thuế của thế giới và Việt Nam. Tiếp đến, học phần đi sâu và bản chất, cách tính thuế cũng như hạch toán kế toán các loại thuế hiện hành ở Việt Nam. Đặc biệt, học phần nhấn mạnh đến tính vận dụng và sự linh hoạt của các loại thuế trong thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp.

21. Kiểm toán nội bộ

Số tín chỉ: 03TC

Nội dung tóm tắt học phần:

Học phần kiểm toán nội bộ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và nâng cao về tổ chức công tác kiểm toán báo cáo nội bộ của một tổ chức và quy trình tiến hành một cuộc kiểm toán nội bộ.

22. Luận văn thạc sĩ ngành kế toán

Số tín chỉ: 12 tín chỉ

Học phần sẽ cung cấp cho Học viên những cơ sở nền tảng để thực hiện luận văn tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán. Nắm được các phương pháp để thực hiện luận văn; cung cấp kỹ năng thiết kế và thực hiện luận văn tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán; Hướng dẫn, giúp học viên hoàn thiện luận văn với kết quả được áp dụng cụ thể tại đơn vị và các cơ quan, tổ chức liên quan.

2.8. Đối sánh CTĐT với Trường Đại học trong và ngoài nước đã tham khảo

2.9.1. Tên các chương trình đào tạo tham khảo

Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán, Nhà trường đã tham khảo một số chương trình đào tạo trong và ngoài nước. Cụ thể như sau:

• **Các chương trình trong nước:**

- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán, Trường ĐH Kinh tế quốc dân.
- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán, Học viện tài chính.

• **Các chương trình nước ngoài**

- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán, Đại học Công nghệ Swinburne, Australia.
- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán, Đại học NewYork Albany, Mỹ.

2.9.2. So sánh các chương trình đào tạo

Bảng 2.9. Đối sánh chương trình đào tạo với các cơ sở đào tạo trong nước

Trường tham khảo	Tương thích về cấu trúc và nội dung	Chương trình tham khảo	Chương trình đào tạo Kế Toán - ULSA	Mức độ tương đồng
Trường ĐH Kinh tế quốc dân	Cấu trúc	- Số lượng tín chỉ: 60 TC Trong đó: - Kiến thức cơ bản và kiến thức ngành: 30 TC - Kiến thức ngành: 12 TC - Luận văn: 06 TC - Môn thi đầu vào: 12 TC	- Số lượng tín chỉ: 60 TC Trong đó: - Kiến thức chung và kiến thức cơ sở: 18 TC - Kiến thức ngành: 27 TC - Thực tập và đề án TN: 15 TC	Số lượng tín chỉ của cả 2 chương trình bằng nhau. Tuy nhiên Chương trình của trường tập trung vào khối kiến thức ngành
	Nội Dung	Các học phần có tên gọi khác: Kinh tế vi mô ứng dụng Kinh tế vĩ mô ứng dụng	Có các học phần khác: Kế toán tài chính nâng cao Luật và chuẩn mực kế toán	Hai chương trình có số học phần giống nhau về khối kiến thức cơ bản bắt buộc và khối kiến thức

Trường tham khảo	Tương thích về cấu trúc và nội dung	Chương trình tham khảo	Chương trình đào tạo Kế Toán - ULSA	Mức độ tương đồng
		Quản trị học nâng cao Thống kê ứng dụng Pháp luật kinh doanh Tiếng Anh giao tiếp kinh doanh Quản trị tác nghiệp Hệ thống thông tin kế toán Đạo đức nghề nghiệp Kế toán – Kiểm toán Quản lý dự án Tài chính công Thị trường tài chính và các tổ chức tài chính trung gian	Hệ thống kiểm soát quản trị Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm Quản trị chi phí Quản trị Marketing hiện đại Quản trị chiến lược kinh doanh Kỹ năng lãnh đạo và quản lý Quản lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa	ngành khá tương đồng nhau đến 70% . Có sự khác biệt về các học phần khối kiến thức ngành
Học viện tài chính	Cấu trúc	Số lượng tín chỉ: 60 TC Trong đó: - Kiến thức chung: 06 TC - Kiến thức cơ sở: 12 TC - Kiến thức ngành: 34 TC - Luận văn Thạc sĩ: 8 TC	Số lượng tín chỉ: 60 TC Trong đó: - Kiến thức chung: 06 TC - Kiến thức cơ sở: 12 TC - Kiến thức ngành: 27 TC - Thực tập và đề án TN: 15 TC	Số lượng tín chỉ của cả 2 chương trình bằng nhau.

Trường tham khảo	Tương thích về cấu trúc và nội dung	Chương trình tham khảo	Chương trình đào tạo Kế Toán - ULSA	Mức độ tương đồng
	Nội dung	Các học phần có tên khác: <ul style="list-style-type: none"> - Tiếng Anh - Khoa học Quản lý - Định giá tài sản - Đầu tư tài chính - Luật kế toán và chuẩn mực kế toán công - Kế toán tài chính doanh nghiệp bảo hiểm - Kế toán ngân hàng thương mại 	Các học phần có tên khác: <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống Kiểm soát quản trị - Quản trị chiến lược kinh doanh - Kỹ năng lãnh đạo và quản lý 	Hai chương trình có số học phần giống nhau về khối kiến thức cơ bản bắt buộc và kiến thức ngành bắt buộc. Có sự khác biệt về các học phần khối kiến thức ngành tự chọn và cơ sở tự chọn

Bảng 2.10. Đối sánh chương trình đào tạo với các cơ sở đào tạo ngoài nước

Trường tham khảo	Tương thích về cấu trúc và nội dung	Chương trình tham khảo	Chương trình đào tạo Kế toán - ULSA	Mức độ tương đồng
Trường Đại học Công nghệ Swinburne, Australia	Cấu trúc	- Tổng số học phần : 12 học phần (150 TC). Trong đó: 10 học phần bắt buộc (125 TC) 2 học phần tự chọn	- Số lượng tín chỉ: 60 TC Trong đó: - Kiến thức chung và kiến thức cơ sở: 18 TC	Thời gian đào tạo của trường Swinburne dài, số lượng tín chỉ lớn. Cả hai chương

Trường tham khảo	Tương thích về cấu trúc và nội dung	Chương trình tham khảo	Chương trình đào tạo Kế toán - ULSA	Mức độ tương đồng
		(25 TC)	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức ngành: 27 TC - Thực tập và đề án TN: 15 TC 	trình của 2 trường cùng có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn để dành quyền chủ động cho người học.
	Nội Dung	<p>Các học phần có tên khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống kế toán và báo cáo - Kiểm toán công ty - Kế toán quản trị - Nguyên tắc và kế hoạch thuế - Kế toán tài chính và lý thuyết - Các vấn đề đương đại trong kế toán và nghiên cứu - Kinh tế - Mô hình hóa và phân tích kinh doanh - Quản lý tài chính doanh nghiệp - Công ty và Luật Hợp đồng 	<p>Các học phần có tên khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> Kế toán tài chính nâng cao Luật và chuẩn mực kế toán Hệ thống kiểm soát quản trị Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm Quản trị chi phí Quản trị Marketing hiện đại Quản trị chiến lược kinh doanh Kỹ năng lãnh đạo và quản lý Quản lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa 	Chương trình của ULSA ngoài trang bị kiến thức nền tảng về kinh tế, kinh doanh, quản lý đồng thời đào tạo kiến thức chuyên sâu hiện đại về các môn chuyên ngành

Trường tham khảo	Tương thích về cấu trúc và nội dung	Chương trình tham khảo	Chương trình đào tạo Kế toán - ULSA	Mức độ tương đồng
Đại học NewYork Albany, Mỹ	Cấu trúc	Tổng số tín chỉ: 30 TC	- Số lượng tín chỉ: 60 TC Trong đó: - Kiến thức chung và kiến thức cơ sở: 18 TC - Kiến thức ngành: 27 TC - Thực tập và đề án TN: 15 TC	Thời gian đào tạo của trường Albany ngắn, số lượng tín chỉ ít. Trường Albany chỉ thiết kế các khối kiến thức bắt buộc
	Nội dung	Các học phần có tên khác: - Gian lận báo cáo tài chính và quản trị doanh nghiệp - Hội thảo nghiên cứu về kế toán - Tài chính doanh nghiệp - Phát triển đương đại trong tư tưởng kế toán - Phương pháp thống kê và đảm bảo kế toán	Các học phần có tên khác: - Kế toán tài chính nâng cao - Luật và chuẩn mực kế toán - Hệ thống kiểm soát quản trị - Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm - Quản trị chi phí - Quản trị Marketing hiện đại - Quản trị chiến lược kinh doanh - Kỹ năng lãnh đạo và quản lý - Quản lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa	Trường Abany đào tạo, yêu cầu sâu về phân tích và phát triển. Trường ULSA đào tạo phân tích đánh giá và giải quyết vấn đề tại đơn vị kế toán

III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo này được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2021. Chương trình đào tạo được thực hiện theo kế hoạch giảng dạy của Nhà trường.

Các học phần được phân công giảng dạy bởi các khoa quản lý học phần và được giảng dạy theo đề cương chi tiết học phần thống nhất đã được phê duyệt. Tất cả các hoạt động giảng dạy và đánh giá thực hiện phù hợp với đặc tả trong chương trình đào tạo.

Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần được thực hiện theo các quy chế đào tạo theo tín chỉ và các quy định có liên quan hiện hành của Trường Đại học Lao động – Xã hội.

Trưởng khoa Kế toán, Trưởng phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế, hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu người học và xã hội. Dựa trên đề cương chi tiết học phần, Trưởng khoa đề xuất các điều kiện phục vụ cho công tác đào tạo về đội ngũ, trang thiết bị, quan hệ doanh nghiệp, thực tập.

Chương trình đào tạo được rà soát cập nhật 02 năm một lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng